VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 417 + 418)

Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Các tuyến đường thủy nội địa cấp quốc gia

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa		Chiều dài	Cấp kỹ thuật	
				Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
1	Sông Đáy	Từ phao số "0" Cửa Đáy đến Ninh Bình	72Km	Cấp I	Cấp Đặc biệt
		Từ Ninh Bình đến Hà Nam	23Km	Cấp III	Cấp II (Tĩnh không 6m -7m)
2	Kênh Yên Mô	Từ ngã ba Chính Đại đến ngã ba Đức Hậu	14Km	Cấp III	Cấp III (Tĩnh không 5m)

2. Các tuyến đường thủy nội địa địa phương

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa		Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	
				Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
1	Sông Bôi		17,612	Cấp III	Cấp III
2	Sông Hoàng Long	Từ ngã ba Gián Khẩu đến cầu phao Đồng Chưa	14,58	Cấp IV	Cấp III

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa		Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	
				Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
		Từ cầu phao Đồng Chưa đến cầu Nho Quan	12,07	Cấp IV	Cấp IV
3	Sông Vạc		28,2	Cấp III	Cấp III
4	Sông Rịa		12	Cấp V-VI	Cấp V-VI
5	Sông Chanh		12	Cấp VI	Cấp VI
6	Sông Hệ Dưỡng		9,5	Cấp V	Cấp V
7	Sông Sào Khê		14,5	Cấp VI	Cấp VI
8	Sông Vân		6,937	Cấp V	Cấp V
9	Sông Mới		9,898	Cấp V	Cấp V
10	Sông Lồng		7,73	Cấp VI	Cấp VI
11	Sông Đằng		10	Cấp VI	Cấp VI
12	Sông Càn	Cửa Càn đến Kim Hải - Kim Sơn (Cách cầu sông Càn 200m về phía hạ lưu)	7,8	Cấp VI	Cấp II
		Cách cầu sông Càn 200m về phía hạ lưu đến Văn Hải - Kim Sơn	6,4	Cấp VI	Cấp V
13	Sông Ân		17	Cấp VI	Cấp VI
14	Sông Vực		5	Cấp VI	Cấp VI
15	Trong các khu du lịch: các luồng tuyến phục vụ phát triển du lịch của tỉnh				

B. CÁC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

1. Các Cảng thủy nội địa hàng hóa

1.1. Các Cảng thủy nội địa hàng hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên cảng	Địa điểm
A	**Các cảng hiện có**	
I	**Sông Đáy**	
1	Cảng Ninh Bình (Tỉnh Ninh Bình báo cáo Thủ tướng Chính phủ các quy trình, trình tự bỏ ra khỏi nội dung quy hoạch quốc gia về cảng bến thủy nội địa để phát triển đô thị)	Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình

TT	Tên cảng	Địa điểm
2	Cảng Bích Đào 1	Phường Bích Đào, Thành phố Ninh Bình
3	Cảng Bích Đào 2	Phường Bích Đào, Thành phố Ninh Bình
4	Cảng Ninh Phúc	Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình
5	Cảng Ninh Phúc 1 (gồm cảng ThaiGroup)	Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình; Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
6	Cảng Ninh Phúc 2 (gồm cảng Phúc Lộc)	Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình
7	Cảng Phúc Long (Cảng Khánh Phú 3)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
8	Cảng Than Miền Bắc (Cảng Khánh Phú 6)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
9	Cảng Long Sơn (Cảng Khánh Phú 8)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
10	Cảng Nam Phương (Cảng Khánh Phú 7)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
11	Cảng Thương Mại (Cảng Khánh Phú 9)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
12	Cảng Hòa Khánh (Cảng Khánh Phú 13)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
13	Cảng Khánh An 1	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
14	Cảng Khánh Cư 1 (gồm cảng Hạ Long)	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
15	Cảng Khánh Thiện	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
B	**Các cảng xây dựng mới**	
I	**Sông Đáy**	
1	Cảng Khánh Phú 11	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
2	Cảng Khánh Hải	Xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh
3	Cảng Khánh Tiên	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
4	Cảng Khánh Thiện 3 (trong quy hoạch quốc gia là cảng Xuân Đồng Khởi)	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
5	Cảng Đò Mười	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh
6	Cảng Kim Đài	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
7	Cảng tổng hợp Kim Sơn	Xã Kim Đông, Kim Tân, huyện Kim Sơn
8	Cảng Kim Tân	Xã Kim Tân, huyện Kim Sơn
9	Cảng Cồn Thoi	Thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn

TT	Tên cảng	Địa điểm
10	Cảng Kim Đông	Xã Kim Đông, huyện Kim Sơn
11	Cảng khác	
II	**Sông Hoàng Long**	
1	Cảng Gia Viễn - Gia Tân - Gia Sinh	Xã Gia Tân, Gia Sinh, huyện Gia Viễn
2	Cảng Nho Quan	Xã Lạng Phong, huyện Nho Quan
3	Cảng khác	
III	**Sông Vạc**	
1	Cảng Cầu Rào	Xã Yên Phong, huyện Yên Mô
2	Cảng khác	
IV	**Kênh Yên Mô**	
1	Cảng Bút	Xã Yên Mạc, huyện Yên Mô
2	Cảng khác	

1.2. Các Cảng thủy nội địa hàng hóa theo Quyết định của UBND tỉnh Ninh Bình

TT	Tên cảng	Địa điểm
A	**Các cảng hiện có**	
I	**Sông Đáy**	
1	Cảng Gián Khẩu	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn
2	Cảng xăng dầu, dầu khí Ninh Bình	Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình
3	Cảng Khánh Phú 2	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
4	Cảng Khánh Phú 4	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
5	Cảng Khánh Phú 5	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
6	Cảng Khánh Phú 10	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
7	Cảng Khánh Phú 12	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
8	Cảng Khánh An 2	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
9	Cảng Khánh Cư 2	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
10	Cảng Khánh Hải 2	Xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh
11	Cảng Khánh Tiên 1	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
12	Cảng Khánh Thiện 1	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh

TT	Tên cảng	Địa điểm
II	**Sông Hoàng Long**	
1	Cảng Vissai Gia Tân	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn
III	**Sông Hệ Dưỡng**	
1	Cảng Hệ Dưỡng	Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư
IV	**Sông Bôi**	
1	Cảng Xích Thổ 1	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
2	Cảng Xích Thổ 2	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
B	**Các cảng xây dựng mới**	
I	**Sông Lồng**	
1	Cảng Lạc Hiền	Thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô
II	**Sông Bôi**	
1	Cảng Xích Thổ	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan

2. Các Bến thủy nội địa hàng hóa

TT	Tên cảng	Địa điểm
A	**Các bến hiện có**	
I	**Sông Đáy**	
1	Bến thủy nội địa Gia Thanh	Xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Ninh Giang	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
3	Bến thủy nội địa Khánh Tiên	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
4	Bến thủy nội địa Xanh	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
5	Bến thủy nội địa Khánh Trung	Xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh
6	Bến thủy nội địa Khánh Công	Xã Khánh Công, huyện Yên Khánh
7	Bến thủy nội địa Khánh Thành 2	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh
8	Bến thủy nội địa Ân Hòa	Xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn
9	Bến thủy nội địa Hùng Tiến	Xã Hùng Tiến, huyện Kim Sơn
10	Bến thủy nội địa Như Hòa	Xã Như Hòa, huyện Kim Sơn
11	Bến thủy nội địa Cồn Thoi	Xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn

TT	Tên cảng	Địa điểm
II	**Kênh Yên Mô**	
1	Bến thủy nội địa Yên Nhân	Xã Yên Nhân, huyện Yên Mô
2	Bến thủy nội địa Yên Lâm	Xã Yên Lâm, huyện Yên Mô
3	Bến thủy nội địa Yên Thái	Xã Yên Thái, huyện Yên Mô
III	**Sông Hoàng Long**	
1	Bến thủy nội địa Gia Trung 1	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Gia Trung 2	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn
3	Bến thủy nội địa Gia Trung 3	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn
4	Bến thủy nội địa Đức Long 1	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
5	Bến thủy nội địa Đức Long 2	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
6	Bến thủy nội địa Đức Long 3	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
7	Bến thủy nội địa Ninh Giang 1	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
8	Bến thủy nội địa Ninh Giang 2	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
9	Bến thủy nội địa Gia Lạc	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn
10	Bến thủy nội địa Gia Minh	Xã Gia Minh, huyện Gia Viễn
11	Bến thủy nội địa Nho Quan	Thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan
IV	**Sông Vạc**	
1	Bến thủy nội địa Kim Chính 1	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
2	Bến thủy nội địa Kim Chính 2	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
3	Bến thủy nội địa Kim Chính 3	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
4	Bến thủy nội địa Kim Chính 4	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
5	Bến thủy nội địa Yên Ninh 1	thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh
6	Bến thủy nội địa Yên Ninh 2	thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh
7	Bến thủy nội địa Khánh Cư 2	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
8	Bến thủy nội địa Khánh An	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
9	Bến thủy nội địa Ninh Sơn 3	phường Ninh Sơn, Thành phố Ninh Bình
10	Bến thủy nội địa Ninh Sơn 2	phường Ninh Sơn, Thành phố Ninh Bình
11	Bến thủy nội địa Ninh Sơn 1	phường Ninh Sơn, Thành phố Ninh Bình
12	Bến thủy nội địa Ninh Phong	phường Ninh Phong, Thành phố Ninh Bình

TT	Tên cảng	Địa điểm
13	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm 1	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
14	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm 3	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
15	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm 4	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
16	Bến thủy nội địa Yên Phong	Xã Yên Phong, huyện Yên Mô
17	Bến thủy nội địa Khánh Dương 1	Xã Khánh Dương, huyện Yên Mô
18	Bến thủy nội địa Khánh Dương 2	Xã Khánh Dương, huyện Yên Mô
V	**Sông Bôi**	
1	Bến thủy nội địa Gia Phú 1	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Gia Phú 3	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
3	Bến thủy nội địa Gia Phú 4	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
4	Bến thủy nội địa Liên Sơn	Xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn
5	Bến thủy nội địa Viến	Xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn
6	Bến thủy nội địa Xích Thổ 1	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
7	Bến thủy nội địa Đức Long 1	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
8	Bến thủy nội địa Đức Long 2	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
9	Bến thủy nội địa Đức Long 3	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
10	Bến thủy nội địa Gia Thủy	Xã Gia Thủy, huyện Nho Quan
11	Bến thủy nội địa Xích Thổ 2	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
12	Bến thủy nội địa Xích Thổ 3	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
13	Bến thủy nội địa Xích Thổ 4	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
VI	**Sông Mới**	
1	Bến thủy nội địa Khánh Thiện	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
2	Bến thủy nội địa Thị trấn Ninh 2	TT Yên Ninh, huyện Yên Khánh
3	Bến thủy nội địa Khánh Hồng	Xã Khánh Hồng, huyện Yên Khánh
4	Bến thủy nội địa Thị trấn Ninh	TT Yên Ninh, huyện Yên Khánh
VII	**Sông Hệ Dưỡng**	
1	Bến thủy nội địa Ninh An	Xã Ninh An, huyện Hoa Lư
VIII	**Sông Đằng**	
1	Bến thủy nội địa Khánh Thượng 1	Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô
2	Bến thủy nội địa Khánh Thượng 2	Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô

TT	Tên cảng	Địa điểm
IX	**Sông Lồng**	
1	Bến thủy nội địa Lạc Hiền	Xã Yên Hòa, huyện Yên Mô
2	Bến thủy nội địa TT Yên Thịnh	TT Yên Thịnh, huyện Yên Mô
3	Bến thủy nội địa Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô
B	**Các bến xây dựng mới**	
I	**Sông Đáy**	
1	Bến thủy nội địa Gia Trấn 1	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Gia Trấn 2	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn
3	Bến thủy nội địa Khánh Cư	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
4	Bến thủy nội địa Khánh Lợi	Xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh
5	Bến thủy nội địa Khánh Tiên 1	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
6	Bến thủy nội địa Khánh Tiên 2	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
7	Bến thủy nội địa Khánh Thành 1	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh
8	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
9	Bến thủy nội địa Bình Minh	TT Bình Minh, huyện Kim Sơn
10	Bến thủy nội đia khác	
II	**Sông Hoàng Long**	
1	Bến thủy nội địa Gia Tân	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Gia Tiến 1	Xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn
3	Bến thủy nội địa Gia Tiến 2	Xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn
4	Bến thủy nội địa Gia Vượng	Xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn
5	Bến thủy nội địa khác	
III	**Sông Vạc**	
1	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm 2	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
2	Bến thủy nội địa Khánh Cư 1	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
3	Bến thủy nội địa khác	
IV	**Sông Bôi**	
1	Bến thủy nội địa Gia Phú 2	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Gia Phú 5	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn

TT	Tên cảng	Địa điểm
3	Bến thủy nội địa Gia Phú 6	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
4	Bến thủy nội địa Gia Phú 7	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
5	Bến thủy nội địa Gia Phú 8	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
6	Bến thủy nội địa Gia Hưng	Xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn
7	Bến thủy nội địa Gia Tường	Xã Gia Tường, huyện Nho Quan
8	Bến thủy nội địa Xích Thổ 5	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
9	Bến thủy nội địa khác	
V	**Sông Mới**	
1	Bến thủy nội địa khác	

3. Các Cảng thủy nội địa hành khách do Trung ương quản lý

TT	Tên cảng	Địa điểm	Ghi chú
	Cảng xây dựng mới		
I	**Sông Đáy**		
1	Cảng khách Ninh Bình	Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình	Thực hiện theo Quy hoạch quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

4. Các Bến thủy nội địa hành khách do địa phương quản lý

TT	Tên Bến	Địa điểm
I	**Sông Đáy**	
1	Bến hành khách La Mai	Thôn La Mai, xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
2	Bến hành khách Bạch Cừ	Thôn Bạch Cừ, xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư
3	Bến hành khách Vạn Hạnh	Phường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình
4	Bến hành khách Quảng trường	Phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình
5	Bến hành khách Khánh Thiện	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
II	**Sông Hoàng Long**	
1	Bến hành khách Hoàng Long	Gần cầu sông Chanh, xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
2	Bến hành khách Gia Sinh	Xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn
3	Bến hành khách Đồng Chưa	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn

TT	Tên Bến	Địa điểm
4	Cụm bến hành khách khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình	Huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan
III	**Sông Vạc**	
1	Bến hành khách Kim Chính 1	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
2	Bến hành khách Kim Chính 2	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
3	Bến hành khách Kim Chính 3	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
4	Bến hành khách Thượng Kiệm 1	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
5	Bến hành khách Thượng Kiệm 2	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
6	Bến hành khách Thượng Kiệm 3	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
IV	**Sông Bôi**	
1	Bến thủy nội địa của Công ty cổ phần Bán đảo Kênh Gà - bến số 2	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
V	**Nhánh nối sông Hoàng Long - sông Bôi**	
1	Bến thủy nội địa của Công ty cổ phần Bán đảo Kênh Gà	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
VI	**Sông Lạng**	
1	Bến hành khách Nho Quan	Thị Trấn Nho Quan, huyện Nho Quan
VII	**KDL sinh Thái Tràng An**	
1	Bến thuyền du lịch Tràng An	Xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư
VIII	**KDL Tràng An Cổ**	
1	Bến thuyền du lịch Tràng An Cổ	Xã Trường Yên, huyện Hoa Lư
IX	**KDL Tam Cốc - Bích Động**	
1	Bến thuyền du lịch Tam Cốc	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
2	Bến thuyền du lịch Linh Cốc - Hải Nham	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
3	Bến thuyền du lịch Thạch Bích - Thung Nắng	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
X	**KDL sinh thái Thung Nham**	
1	Bến thuyền Vườn Chim	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
2	Bến thuyền Hang Bụt	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư

TT	Tên Bến	Địa điểm
XI	**KDL sinh thái Động Thiên Hà**	
1	Bến thuyền động Thiên Hà	Xã Sơn Hà, huyện Nho Quan
XII	**KDL sinh thái Vân Long**	
1	Bến thuyền Vân Long 1	Xã Gia Vân, huyện Gia Viễn
2	Bến thuyền Vân Long 2	Xã Gia Hòa, Gia Vân, huyện Gia Viễn
XIII	**Khu núi chùa Bái Đính**	
1	Bến thuyền hồ Đàm Thị	Xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn
XIV	**Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động**	
1	Bến thuyền Tam Cốc	Huyện Hoa Lư
XV	**Bến khác**	Các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh

5. Bến thủy nội địa chuyên dùng do địa phương quản lý

TT	Tên bến	Địa điểm
A	**Các bến hiện có**	
I	**Sông Đáy**	
1	Bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTNĐ Bích Đào	Phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình
2	Bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTNĐ Khánh An	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
3	Bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTNĐ Khánh Thành	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh
II	**Sông Hoàng Long**	
1	Bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTNĐ Gia Thắng	Xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn
2	Bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTNĐ Ninh Giang	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
III	**Sông Bôi**	
1	Bến đóng mới, sửa chữa PTTNĐ Gia Thịnh 1	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
2	Bến đóng mới, sửa chữa PTTNĐ Gia Thịnh 2	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn

TT	Tên bến	Địa điểm
B	**Các bến xây dựng mới**	
I	**Sông Đáy**	
1	Bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa,... PTTNĐ Kim Sơn	Xã Như Hòa, xã Quang Thiện, xã Đồng Hướng, huyện Kim Sơn
2	Bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa,... PTTNĐ Kim Tân	Xã Kim Tân, huyện Kim Sơn

6. Bến khách ngang sông do địa phương quản lý

TT	Tên bến	Địa điểm	Loại bến
A	**Các bến hiện có**		
I	**Sông Đáy**		
1	Bến khách ngang sông, bến đò Gián	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn	II
2	Bến khách ngang sông, bến đò Vĩnh	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh	II
3	Bến khách ngang sông, bến đò Vệ	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh	II
4	Bến khách ngang sông, bến Thông	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh	II
5	Bến khách ngang sông xã Khánh Lợi, bến đò Vọng	Xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh	II
6	Bến khách ngang sông, bến đò Độc Bộ	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh	II
7	Bến khách ngang sông, bến đò Xanh	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh	II
8	Bến khách ngang sông, bến đò bà Quăn	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh	II
9	Bến khách ngang sông, bến đò Đào Khê	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh	II
10	Bến khách ngang sông, bến đò Tam Tòa	Xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh	I
11	Bến khách ngang sông, bến đò Bơn	Xã Khánh Công, huyện Yên Khánh	II
12	Bến phà Đò Mười	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh	I
13	Bến khách ngang sông, bến đò 16	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh	II
14	Bến khách ngang sông, bến đò Chính Tâm	Xã Xuân Chính, huyện Kim Sơn	II
15	Bến khách ngang sông, bến đò Chất Bình	Xã Chất Bình, huyện Kim Sơn	II
16	Bến khách ngang sông, bến đò Âm sa	Xã Kim Định, huyện Kim Sơn	II

TT	Tên bến	Địa điểm	Loại bến
17	Bến khách ngang sông, bến đò Kim Tân	Xã Kim Tân, huyện Kim Sơn	II
18	Bến khách ngang sông, bến đò Đồng Hướng	Xã Đồng Hướng, huyện Kim Sơn	II
19	Bến khách ngang sông, bến đò phà Điện Biên	Thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn	II
II	**Sông Hoàng Long**		
1	Bến khách ngang sông, bến Trấn Hưng	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn	II
2	Bến khách ngang sông, bến Đông Khê (Cầu phao Gia Trung)	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn	II
III	**Sông Vạc**		
1	Bến khách ngang sông, Bến Đức Hậu - Yên Nhân	Xã Khánh Hồng, huyện Yên Khánh; xã Yên Nhân, huyện Yên Mô	II
IV	**Sông Càn**		
1	Bến khách ngang sông, bến đò Càn xã Văn Hải	Xã Văn Hải, huyện Kim Sơn	III
2	Bến khách ngang sông, bến đò Càn Giữa, xã Kim Mỹ	Xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn	III
3	Bến khách ngang sông, bến đò Càn Dưới (đò Chín Cô), xã Kim Mỹ	Xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn	III

7. Bến nổi kinh doanh xăng dầu

TT	Tên bến	Địa điểm
A	**Các bến hiện có**	
I	**Sông Đáy**	
1	Bến nổi kinh doanh xăng dầu Gia Trấn	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn
2	Bến nổi kinh doanh xăng dầu Ninh Giang	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
3	Bến nổi xăng dầu Khánh An	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
II	**Sông Vạc**	
1	Bến nổi xăng dầu Ninh An	Xã Ninh An, huyện Hoa Lư

TT	Tên bến	Địa điểm
B	**Các bến xây dựng mới**	
1	Bến nổi kinh doanh xăng dầu khác	

8. Khu neo đậu

TT	Tên khu neo đậu	Địa điểm
	Khu neo đậu hiện có	
I	**Sông Bôi**	
1	Khu neo đậu Kênh Gà 1	Bờ phải, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
II	**Nhánh nối sông Hoàng Long - sông Bôi**	
1	Khu neo đậu Kênh Gà 2	Bờ phải, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn

Ghi chú:

- Các tuyến đường thủy nội địa cấp quốc gia theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và các nội dung khác của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	Ghi chú
I	**Nhà máy nhiệt điện khí (tiềm năng)**			
1	Dự án nhà máy điện khí linh hoạt (ICE)	Huyện Kim Sơn	300MW	Thực hiện theo Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII
II	**Điện mặt trời mái nhà và điện rác**			
1	Điện mặt trời mái nhà	Các huyện, thành phố	23MW	
2	Các dự án điện rác tiềm năng	Các huyện, thành phố	Thực hiện theo Quy hoạch, kế hoạch cấp có thẩm quyền phê duyệt	
III	**Năng lượng tái tạo**			
1	Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, đặc biệt là điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu không giới hạn công suất (điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh tiêu thụ tại chỗ, không đấu nối trực tiếp, gián tiếp vào lưới điện quốc gia)	Các huyện, thành phố	Không giới hạn	
IV	**Các dự án phát triển nguồn điện theo quy hoạch được phê duyệt**	Các huyện, thành phố	Thực hiện theo Quy hoạch, kế hoạch cấp có thẩm quyền phê duyệt	

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, công suất, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và các nội dung khác của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Việc đầu tư các dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.

B. LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

I. Trạm biến áp 500-220kV

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	
I	**Trạm biến áp 220 kV**			
1	Nho Quan NC	2x125	2x250	Cải tạo NCS
2	Ninh Bình 2		2x250	Huyện Yên Khánh
3	Tam Điệp		250	
4	Gia Viễn		2x250	

II. Đường dây 500-220kV

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
I	**Đường dây 500 kV**			
1	Đường dây 500kV mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1x75	2x75	Xây dựng mới mạch 2, cải tạo 01 mạch thành 02 mạch
2	Đường dây 500kV mạch 1 Vũng Áng - Nho Quan	1x360	2x360	Cải tạo đường dây 01 mạch thành 02 mạch
3	Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định 1 - Thanh Hóa		2x73	Xây mới (đoạn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có chiều dài 7,9km)
II	**Đường dây 220 kV**			
1	Đường dây 220kV mạch 2 Nho Quan - Phủ Lý	1x27	2x27	Xây dựng mới mạch 2, cải tạo 01 mạch thành 02 mạch

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
2	Đường dây 220kV Tam Điệp - Rẽ Bỉm Sơn - Ninh Bình		4x5	Đấu nối TBA 220kV Tam Điệp
3	Đường dây 220kV Gia Viễn - Rẽ Nho Quan 500kV - Ninh Bình		4x2	Đấu nối TBA 220kV Gia Viễn
4	Đường dây 220kV Gia Viễn - Nam Định		2x11	
5	Đường dây 220kV Nho Quan 500kV - Ninh Bình		2x26	Cải tạo nâng khả năng tải
6	Đường dây 220kV Ninh Bình 2 - nhiệt điện Nam Định 500kV		2x30	Xây mới, dây phân pha tiết diện lớn
7	Đường dây 220kV nhiệt điện Nam Định 500kV - Hậu Lộc		2x48	Xây mới (đoạn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có chiều dài dự kiến 8,2km)

C. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

I. Trạm biến áp

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện tại	Quy hoạch đến năm 2030	
I	**Nâng cấp cải tạo**			
1	Thành phố Ninh Bình	25+40	2x63	Cải tạo NCS
2	Ninh Phúc	2x25	2x63	Cải tạo NCS
3	Phúc Sơn	25+63	2x63	Cải tạo NCS
4	Tam Điệp	2x40	2x63	Cải tạo NCS
5	Nho Quan	2x25	2x63	Cải tạo NCS
6	Gián Khẩu	2x40	2x63	Cải tạo NCS
7	KCN Khánh Cư	2x25	2x63	Cải tạo NCS
II	**Quy hoạch mới**			
8	Thiên Tôn		40+63	
9	KCN Tam Điệp 2		2x63	
10	KCN Khánh Phú		2x63	
11	Tam Điệp NC		40	

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện tại	Quy hoạch đến năm 2030	
12	Ninh Bình 2 NC		40	
13	Ninh Tiến		63	
14	Ninh Vân		40	
15	Rịa		2x40	
16	CCN Phú Sơn		2x40	
17	KCN Gián Khẩu 2		40	
18	Gia Thịnh		2x63	
19	KCN Xích Thổ		63	
20	Gia Viễn NC		40	
21	Nho Quan 2		40	
22	Yên Mô		40+63	
23	Yên Khánh		40+63	
24	KCN Kim Sơn		40+63	
25	Kim Sơn 2		63	
26	Yên Khánh 2		40	
27	Yên Mô 2		40	
28	KCN Phú Long		2x63	
29	XM Hệ Dưỡng 2		2x63	TBA chuyên dùng

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp phải căn cứ vào Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện phát triển thực tiễn và quy hoạch để lắp đặt máy biến áp phù hợp; đối với máy biến áp 110kV, tùy vào cấp điện áp trung áp khu vực đang sử dụng và phụ tải tại khu vực cấp điện để lắp đặt số cuộn dây và cấp điện áp phù hợp.

II. Đường dây

TT	Danh mục đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
I	**Đường dây 110kV nâng cấp cải tạo**			
1	Rẽ NĐ Ninh Bình - Ninh Phúc - Khánh Cư - Kim Sơn	2x30,5	2x30,5	Cải tạo nâng khả năng tải

TT	Danh mục đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
2	Từ TBA 220kV Gia Viễn cấp điện cho các TBA 110kV Gián Khẩu, XM Vissai, XM Vanakansai	2x0,6	2x0,6	Cải tạo nâng khả năng tải; Xóa T; hoàn thiện sơ đồ đấu nối
3	Từ TBA 220kV Tam Điệp cấp điện cho các TBA 110kV Tam Điệp, XM Hướng Dương, XM Pomihoa	2x16,3	2x16,3	Cải tạo nâng khả năng tải; Xóa T; hoàn thiện sơ đồ đấu nối
4	Từ TBA 220kV Gia Viễn - TBA 220kV Ninh Bình và từ TBA 220kV Ninh Bình - 220kV Tam Điệp	2x38,7	2x38,7	Cải tạo nâng khả năng tải
5	NĐ Ninh Bình - 220kV Bỉm Sơn (Thanh Hóa)	2x41	2x41	Cải tạo nâng khả năng tải
6	Từ TBA 220kV Ninh Bình - 220kV Nho Quan	2x29,6	2x29,6	Cải tạo nâng khả năng tải
7	Từ TBA 220kV Ninh Bình - 220kV Thanh Nghị (Hà Nam)	2x33,8	2x33,8	Cải tạo nâng khả năng tải
8	Từ TBA 220kV Ninh Bình - 110kV Ý Yên, Trình Xuyên (Nam Định)	2x29,3	2x29,3	Cải tạo nâng khả năng tải
II	**Đường dây 110kV xây dựng mới**			
1	XT 220kV Ninh Bình 2 - Rẽ 110kV Ninh Phúc - Khánh Cư		4x2	
2	Xây dựng đường dây từ trạm biến áp 220kV Ninh Bình 2 đấu nối vào đường dây 110kV NĐ Ninh Bình		2x10	
3	XT 220kV Tam Điệp - Rẽ 110kV Tam Điệp - XM Duyên Hà		4x0,6	
4	XT 220kV Tam Điệp - 110kV KCN Tam Điệp 2		2x12	
5	XT 220kV Gia Viễn - Rẽ 110kV từ TBA 220kV Ninh Bình - 110kV Gián Khẩu		4x0,5	

TT	Danh mục đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
6	XT 220kV Gia Viễn - Rẽ 110kV từ TBA 220kV Ninh Bình - TBA 220kV Thanh Nghị		4x0,8	
7	XT 220kV Gia Viễn - Rẽ 110kV Gián Khẩu - Nho Quan		2x1,5	
8	XT 220kV Gia Viễn - 110kV KCN Gián Khẩu 2		2x0,5	
9	XT 220kV Nho Quan - Rẽ 110kV XM X18		2x9	
10	XT 220kV Nho Quan - 110kV Rịa		2x10,5	
11	XT 220kV Nho Quan - 110kV Yên Thủy (Hòa Bình)		2x15	
12	Rẽ TBA 110kV KCN Khánh Phú		2x0,5	
13	Rẽ TBA 110kV Yên Mô		2x6	
14	Rẽ TBA 110kV Yên Khánh		2x0,5	
15	Rẽ TBA 110kV Thiên Tôn		2x0,5	
16	Rẽ TBA 110kV Gia Thịnh		2x0,5	
17	Rẽ TBA 110kV XM Phú Sơn		2x0,8	
18	Rẽ TBA 110kV Kim Sơn 2		2x0,5	
19	110kV Kim Sơn - KCN Kim Sơn		2x10,7	
20	XT 220kV Tam Điệp - 110kV Ninh Vân		2x5	
21	Ninh Vân - Ninh Tiến		2x5	
22	Rẽ TBA 110kV XM Hệ Dưỡng 2		2x1	
23	KCN Xích Thổ - Rẽ 220kV Nho Quan - Gia Thịnh		2x8	
24	Rẽ TBA 110kV Nho Quan 2		2x7	
25	XT 220kV Ninh Bình 2 - Rẽ 110kV Kim Sơn - Nghĩa Hưng		2x18	
26	Rẽ TBA 110kV Yên Khánh 2		2x5,3	

TT	Danh mục đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
27	Rẽ TBA 110kV Yên Mô 2		2x6	
28	KCN Tam Điệp 2 - Phú Long		2x4	
29	Phú Long - Rịa		2x5	
30	KCN Kim Sơn - Rẽ 220kV Ninh Bình 2 - Kim Sơn (mạch 2)		2x10,7	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường dây 110kV căn cứ Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU, CẤP NƯỚC TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP NƯỚC

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m^3/ngđ)	Địa điểm dự kiến và phạm vi dự án
A	**CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ**		
I	**Nhà máy nước hiện có cải tạo, nâng công suất**		
1	Nhà máy nước Tam Điệp (giai đoạn 2021 - 2030)	12.000 lên 25.000	Thành phố Tam Điệp và các địa phương liên quan
2	Nhà máy nước Hoàng Long (giai đoạn 2021 - 2030)	20.000 lên 40.000	Huyện Gia Viễn và các địa phương liên quan
II	**Nhà máy nước xây mới**		
1	Nhà máy nước Yên Đồng (giai đoạn 2021 - 2030)	40.000	Huyện Yên Mô và các địa phương liên quan
2	Nhà máy nước Nho Quan 2 (giai đoạn 2021 - 2030)	35.000	Huyện Nho Quan và các địa phương liên quan
3	Nhà máy nước Yên Đồng (Giai đoạn 2031 - 2050)	40.000 lên 80.000	Huyện Yên Mô và các địa phương liên quan
4	Nhà máy nước Nho Quan 2 (Giai đoạn 2031 - 2050)	35.000 lên 70.000	Huyện Nho Quan và các địa phương liên quan
B	**CẤP NƯỚC NÔNG THÔN**		
I	**Nhà máy nước cải tạo, nâng cấp**		
	Các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn (giai đoạn 2021 - 2030)	Theo nhu cầu và khả năng nâng cấp	Các huyện, thành phố
II	**Nhà máy nước xây mới**		
1	Nhà máy nước Xuân Chính (giai đoạn 2021 - 2030)	6.000	Huyện Kim Sơn

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m^3/ngđ)	Địa điểm dự kiến và phạm vi dự án
2	Nhà máy nước Bình Minh (giai đoạn 2021 - 2030)	5.000	Huyện Kim Sơn
3	Nhà máy nước Ninh Vân		Huyện Hoa Lư
Các công trình cấp nước nông thôn và đô thị khác được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đảm bảo tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 85% được sử dụng nước sạch			

Ghi chú: Số lượng, tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án nêu trên và các công trình, dự án khác sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Ngoài ra, còn có các nhà máy nước, trạm cấp nước khác được xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan.

B. DANH MỤC THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

STT	Danh mục	Địa điểm
1	Các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, đê sông tỉnh Ninh Bình	Các huyện, thành phố
2	Các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống kè bảo vệ đê sông, đê biển tỉnh Ninh Bình; xử lý khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai. Tu bổ, duy tu hệ thống đê điều hàng năm	Các huyện, thành phố
3	Các dự án đầu tư xây dựng nạo vét sông, tu bổ nâng cao trình chống lũ, xây mới hệ thống đê sông, đê biển, cống, trạm bơm, kênh mương, hồ đập, mở rộng công trình đầu mối thoát lũ nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, phòng chống lụt bão và xóa bỏ vùng phân lũ, chậm lũ sông Hoàng Long tỉnh Ninh Bình	Các huyện, thành phố
4	Các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp các cống dưới đê sông, đê biển	Các huyện, thành phố
5	Các dự án nâng cấp hệ thống đê điều, thủy lợi tỉnh Ninh Bình thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Các huyện, thành phố

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Ngoài ra, còn có các dự án thủy lợi, đê điều xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan.

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các khu xử lý	Địa điểm
I	**Xây dựng mới**	
1	Xây mới thêm 05 trạm xử lý nước thải thành phố Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
2	Xây mới 04 trạm xử lý nước thải thành phố Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp
3	Xây mới 03 trạm xử lý nước thải thị trấn Nho Quan	Thị trấn Nho Quan
4	Trạm xử lý nước thải đô thị Me	Thị trấn Me
5	Trạm xử lý nước thải đô thị Yên Ninh	Thị trấn Yên Ninh
6	Trạm xử lý nước thải đô thị Yên Thịnh	Thị trấn Yên Thịnh
7	Xây mới 02 trạm xử lý nước thải đô thị Phát Diệm	Thị trấn Phát Diệm
8	Trạm xử lý nước thải đô thị Bình Minh	Thị trấn Bình Minh
9	Các trạm xử lý nước thải tại các đô thị mới và các khu chức năng xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn	Các huyện, thành phố
II	**Nâng cấp, cải tạo**	
1	Trạm xử lý nước thải trung tâm thành phố Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình

Ghi chú: Số lượng, tên, vị trí, quy mô, công suất, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Ngoài ra, còn có các trạm xử lý nước thải khác được xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nghĩa trang	Địa điểm	Ghi chú
I	**Nghĩa trang**		
1	Nghĩa trang cấp tỉnh tại thành phố Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp	Xây mới
2	Nghĩa trang cấp tỉnh tại huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan	Xây mới
3	Cơ sở hỏa táng cấp tỉnh tại huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan	Xây mới
4	Các nghĩa trang trên địa bàn các huyện, thành phố được xác định theo quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện.	Các huyện, thành phố	Xây mới và cải tạo
II	**Nhà tang lễ**		
1	Nhà tang lễ tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Hiện có
2	Xây dựng mới các Nhà tang lễ	Các huyện, thành phố	Xây mới

Ghi chú: Số lượng, tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Ngoài ra, còn có các công trình, dự án khác được xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan.

Phụ lục XII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đơn vị	Địa điểm
1	Đội PCCC&CNCH Trung tâm TP. Ninh Bình - Đội 1	Thành phố Ninh Bình
2	Đội PCCC&CNCH Khu vực TP. Ninh Bình - Đội 2	Thành phố Ninh Bình
3	Đội PCCC&CNCH Hoa Lư	Thị trấn Thiên Tôn
4	Đội PCCC&CNCH trung tâm TP. Tam Điệp - Đội 1	Thành phố Tam Điệp
5	Đội PCCC&CNCH khu vực TP. Tam Điệp - Đội 2	Thành phố Tam Điệp
6	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Gián Khẩu	Huyện Gia Viễn
7	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Me	Huyện Gia Viễn
8	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Gia Lâm	Huyện Gia Viễn
9	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Nho Quan	Huyện Nho Quan
10	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Rịa	Huyện Nho Quan
11	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Yên Thịnh	Huyện Yên Mô
12	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Bút, Lồng	Huyện Yên Mô
13	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Yên Ninh	Huyện Yên Khánh
14	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Khánh Thiện	Huyện Yên Khánh
15	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Khánh Thành	Huyện Yên Khánh
16	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Phát Diệm	Huyện Kim Sơn
17	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Bình Minh	Huyện Kim Sơn
18	Đội PCCC&CNCH khu vực Cồn Nổi	Huyện Kim Sơn
19	Đội PCCC&CNCH trên sông	Huyện Kim Sơn

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Trụ sở Đội cảnh sát PCCC & CNCH sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô dự kiến đến năm 2030 (Giường)	Quy mô dự kiến đến năm 2050 (Giường)
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	1.500	2.000
2	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	300	500
3	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	180	200
4	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	250	350
5	Bệnh viện Phổi tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	130	200
6	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	900	1.500
7	Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	100	200
8	Các cơ sở y tế, khám chữa bệnh tuyến huyện, xã	Các huyện, thành phố		
9	Cơ sở y tế tư nhân	Các huyện, thành phố		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XIV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm	Ghi chú
A	**Cơ sở giáo dục - đào tạo, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập**		
I	**Trường Mầm non**	Xã, phường, thị trấn	Số lượng tối thiểu: 01 trường/xã, phường, thị trấn
II	**Trường phổ thông**		
1	Trường tiểu học	Xã, phường, thị trấn	Mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 trường tiểu học và 01 trường THCS hoặc 01 trường liên cấp Tiểu học và THCS công lập
2	Trường THCS	Xã, phường, thị trấn	
3	Trường trung học phổ thông	Huyện, thành phố	Duy trì và phát triển các trường THPT công lập
III	**Trường đại học**		
1	Trường Đại học Hoa Lư	Thành phố Ninh Bình	
IV	**Các cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp**	Các huyện, thành phố	Duy trì và phát triển các cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp
B	**Cơ sở giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo định hướng phát triển**	Các huyện, thành phố	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch cấp huyện, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở bảo trợ xã hội	Địa điểm dự kiến
1	Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội	Thành phố Ninh Bình
2	Trung tâm Phục hồi chức năng tâm thần	Huyện Yên Mô
3	Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nho Quan	Huyện Nho Quan
4	Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp
5	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp
6	Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XVI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến	Quy mô
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó có các dự án: Bảo tồn, tôn tạo, khai quật khảo cổ và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa Khu di tích đặc biệt Cố đô Hoa Lư; Công viên lịch sử trung tâm Cố đô Hoa Lư; Các đề án phát triển văn hóa; Các khu chức năng phát triển công nghiệp văn hóa; Trung tâm tổ chức sự kiện…)	Các huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan và thành phố Ninh Bình	Theo Quy hoạch được duyệt
2	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Tràng An - Tam Cốc - Bích Động đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó có Khu Bảo tàng diễn giải Di sản…)	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan, thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp	Theo Quy hoạch được duyệt
3	Bảo tàng - thư viện tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	
4	Khu trung tâm thể thao tỉnh	Thành phố Ninh Bình	Theo Quy hoạch được duyệt
5	Nhà hát	Thành phố Ninh Bình	
6	Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa thể thao cấp tỉnh trọng điểm khác; Các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh	Tỉnh Ninh Bình	
7	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các thiết chế văn hóa thể thao cơ sở cấp huyện: Trung tâm văn hóa, cung thiếu nhi, thư viện,…	Tỉnh Ninh Bình	Khoảng 150 ha

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến	Quy mô
8	Các dự án sân gôn theo định hướng phát triển của tỉnh (như: Sân gôn Tràng An; sân gôn 54 lỗ hồ Yên Thắng; sân gôn khu tổ hợp nghỉ dưỡng du lịch Kênh Gà - Vân Trình; các sân gôn tại huyện Kim Sơn, huyện Nho Quan…)	Tỉnh Ninh Bình	
9	Bảo tồn, giữ gìn và phát triển truyền thống văn hóa, lịch sử các dân tộc	Tỉnh Ninh Bình	
10	Các dự án thực hiện Chương trình MTQG về văn hóa	Tỉnh Ninh Bình	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích và danh mục dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện.

Phụ lục XVII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	**Trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm**	
1	Trung tâm thương mại	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
2	Siêu thị tổng hợp	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Trung tâm hội chợ triển lãm	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
II	**Trung tâm dịch vụ Logistics**	
1	Trung tâm logistics	Thành phố Ninh Bình
2	Trung tâm logistics	Thành phố Tam Điệp
3	Trung tâm logistics	Huyện Kim Sơn
III	**Chợ**	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
IV	**Kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu**	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn.

Phụ lục XVIII
CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	Chỉ tiêu đến năm 2030 xác định trên cơ sở QĐ 326/QĐ-TTg		Nhu cầu của tỉnh đến năm 2030	
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	**CÁC LOẠI ĐẤT**						
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		**141.178,14**	**141.178,14[(a)]**	**100,00**	**141.186,00[(b)]**	**100,00**
1	***Đất nông nghiệp ****	***NNP***	***99.518,50***	***91.394,14***	***64,73***	***79.000,34***	***55,96***
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa*	LUA	44.792,39	36.798,00	26,06	29.714,14	21,05
	*Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước**	*LUC*	*32.515,25*	*30.055,00*	*21,29*	*21.701,64*	*15,37*
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10.011,33	9.100,20	6,45	7.486,98	5,30
1.3	Đất rừng phòng hộ*	RPH	8.374,12	8.029,00	5,69	8.029,00	5,69
1.4	Đất rừng đặc dụng*	RDD	16.514,57	16.627,00	11,78	16.627,00	11,78
1.5	Đất rừng sản xuất*	RSX	3.740,18	2.944,00	2,09	2.944,00	2,09
	*Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên**	*RSN*	*42,57*	*42,57*	*0,03*		
2	***Đất phi nông nghiệp****	***PNN***	***36.966,12***	***47.347,00***	***33,54***	***59.858,39***	***42,39***
2.1	Đất quốc phòng*	CQP	1.251,52	1.589,00	1,13	1.590,60	1,13
2.2	Đất an ninh*	CAN	422,17	595,00	0,42	574,00[(c)]	0,41
2.3	Đất khu công nghiệp*	SKK	814,45	1.872,00	1,33	2.813,30	1,99
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	363,88	1.103,73	0,78	1.253,73	0,89
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	619,93	1.636,56	1,16	3.594,24	2,55
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1.223,73	1.340,26	0,95	2.363,85	1,67
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	218,22	451,62	0,32	615,41	0,44
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh*	DHT	14.350,53	18.147,00	12,85	25.552,19	18,10
	Trong đó:						
	*Đất giao thông**	*DGT*	*8.785,68*	*11.064,00*	*7,84*	*15.280,49*	*10,82*
	Đất thủy lợi	*DTL*	*4.320,54*	*4.890,35*	*3,46*	*5.004,90*	*3,54*
	*Đất xây dựng cơ sơ văn hóa**	*DVH*	*192,52*	*538,00*	*0,38*	*623,29*	*0,44*
	*Đất xây dựng cơ sở y tế**	*DYT*	*88,92*	*124,00*	*0,09*	*162,16*	*0,11*

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	Chỉ tiêu đến năm 2030 xác định trên cơ sở QĐ 326/QĐ-TTg		Nhu cầu của tỉnh đến năm 2030	
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**	*DGD*	*509,78*	*707,00*	*0,50*	*800,51*	*0,57*
	*Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao**	*DTT*	*329,89*	*577,00*	*0,41*	*964,01*	*0,68*
	*Đất công trình năng lượng**	*DNL*	*55,86*	*103,00*	*0,07*	*227,40*	*0,16*
	*Đất công trình bưu chính viễn thông**	*DBV*	*5,93*	*14,00*	*0,01*	*17,18*	*0,01*
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	DKG		18,00	0,01	18,00	0,01
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	DDT	229,34	323,00	0,23	323,00	0,23
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải*	DRA	47,50	118,00	0,08	153,32	0,11
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	183,06	287,40	0,20	314,88	0,22
2.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1.498,95	1.687,29	1,20	1.714,37	1,21
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	12,99	12,99	0,01	13,39	0,01
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	5.775,65	6.905,70	4,89	9.079,01	6,43
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	1.329,00	2.068,41	1,47	2.344,94	1,66
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	164,32	194,56	0,14	252,27	0,18
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12,88	16,02	0,01	26,73	0,02
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
3	***Đất chưa sử dụng****	***CSD***	***4.693,52***	***2.437,00***	***1,73***	***2.327,27***	***1,65***
4	***Đất đô thị****	***KDT***	***9.770,90***	***19.901,00***	***14,10***	***19.901,00***	***14,10***
II	**KHU CHỨC NĂNG**						
1	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	60.359,75	50.685,59	35,90	38.391,93	27,19
2	Khu lâm nghiệp	KLN	28.628,87	27.600,00	19,55	27.600,00	19,55
3	Khu du lịch	KDL	6.226,00	8.513,81	6,03	8.513,81	6,03
4	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	13.672,12	13.784,55	9,76	13.784,55	9,76
5	Khu phát triển công nghiệp	KPC	1.178,33	2.975,73	2,11	4.067,03	2,88
6	Khu đô thị	DTC	30,86	1.032,55	0,73	1.032,55	0,73
7	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	619,93	1.636,56	1,16	3.594,24	2,55
8	Khu dân cư nông thôn	DNT	14.439,13	17.264,26	12,23	17.264,26	12,23

Ghi chú:

- (3) Mã loại đất thực thiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

- (*) Chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các chỉ tiêu còn lại được xác định theo điểm b, mục 7, Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 (trên cơ sở chỉ tiêu đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Đất đô thị và Khu chức năng không cộng tổng khi tính diện tích tự nhiên.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các địa phương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền. Chỉ tiêu đất quốc phòng, an ninh được thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- (a) Diện tích tự nhiên của tỉnh Ninh Bình theo thống kê đất đai đến 31/12/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cung cấp tăng 60,14ha (tăng 60,14ha đất nông nghiệp) so với tổng diện tích tại phụ lục 25. Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

- (b) Theo số liệu hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2020 tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 141.178,14ha; Số liệu tổng diện tích tự nhiên của tỉnh năm 2023 là 141.186,00ha (tăng 7,86ha so với năm 2020) do ngành Tài nguyên Môi trường rà soát lại diện tích đất đai của các đơn vị hành chính cấp huyện phục vụ việc xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2023 - 2025.

- (c) theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
A	**VÙNG BẢO VỆ NGHIÊM NGẶT**	
I	**Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.**	
1	Khu dân cư tập trung tại đô thị Ninh Bình (Đến năm 2030 - đô thị loại I)	Thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn và vùng thuộc quy hoạch
2	Khu dân cư tập trung tại thành phố Tam Điệp (Đến năm 2030 - đô thị loại II)	Thành phố Tam Điệp
II	**Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước**	
1	Các lưu vực sông hiện đang cấp nước sinh hoạt cho địa phương theo quy định của pháp luật	
2	Nguồn nước mặt tại hồ: - Diện tích mặt nước và diện tích phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt (tính từ vị trí khai thác nước của công trình về phía thượng lưu 800 m, về phía hạ lưu 200m) của các hồ dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt có công trình khai thác nước với quy mô trên 100 m^3/ngày đêm đến dưới 50.000m^3/ngày đêm. - Diện tích mặt nước và diện tích phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt (tính từ vị trí khai thác nước của công trình về phía thượng lưu 1000m, về phía hạ lưu 200m) của các hồ dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt có công trình khai thác nước với quy mô từ 50.000 m^3/ngày đêm trở lên.	
3	Nguồn nước ngầm; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt khai thác của công trình khai thác nước dưới đất (20 m tính từ miệng giếng đối với công trình khai thác nước dưới đất để cấp cho sinh hoạt quy mô trên 10 m^3/ngày	

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
	đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm và 30 m tính từ miệng giếng đối với công trình khai thác nước dưới đất để cấp cho sinh hoạt quy mô trên 3.000 m^3/ngày đêm trở lên).	
III	**Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản**	
1	Vườn Quốc gia Cúc Phương (Phần trên địa phận tỉnh Ninh Bình)	Huyện Nho Quan
2	Khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước Vân Long	Huyện Gia Viễn
IV	**Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa**	
1	Khu vực bảo vệ 1 của Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Núi Non Nước, thành phố Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
2	Khu vực bảo vệ 1 của Khu di sản thế giới Quần thể danh thắng Tràng An đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, thành phố Ninh Bình
3	Các di tích đã được xếp hạng	Tỉnh Ninh Bình
B	**VÙNG HẠN CHẾ PHÁT THẢI**	
I	**Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt**	
1	Vùng đệm bao quanh Khu di sản Quần thể danh thắng Tràng An	Các huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan; thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp
2	Khu vực vùng đệm của Vườn Quốc gia Cúc Phương (phần trên địa bàn tỉnh Ninh Bình)	Huyện Nho Quan
3	Khu vực vùng đệm của Khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước Vân Long	Huyện Gia Viễn
4	Khu vực rừng phòng hộ	Tỉnh Ninh Bình
II	**Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị**	Tại các huyện, thành phố
C	**VÙNG KHÁC (khu vực còn lại trên địa bàn)**	Tại các huyện, thành phố

Phụ lục XX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu bảo tồn	Vị trí
1	Khu dự trữ sinh quyển thế giới Châu thổ sông Hồng (phần diện tích thuộc tỉnh Ninh Bình)	Theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt
2	Vườn Quốc gia Cúc Phương	Huyện Nho Quan
3	Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long	Huyện Gia Viễn
4	Khu rừng Văn hóa, Lịch sử và Môi trường Hoa Lư	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan, thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp *(nằm trong phạm vi, ranh giới Khu rừng được cấp có thẩm quyền xác định)*

Phụ lục XXI

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Các mỏ khoáng sản chưa hoặc đang khai thác cần cấm khai thác, bảo vệ

STT	Loại khoáng sản	Số lượng mỏ	Ghi chú
1	Đất sét, sét gạch ngói	01	Bảo vệ hành lang an toàn và cảnh quan hai bên đường cao tốc Mai Sơn - QL 45. (*) Trong đó có 1 mỏ chưa khai thác không (huy động) đưa vào quy hoạch
2	Đá xây dựng thông thường	02(*)	
3	Đá, đất hỗn hợp làm vật liệu san lấp	02	

II. Các mỏ khoáng sản quy hoạch thăm dò, khai thác

STT	Loại khoáng sản	Số lượng	Ghi chú
A	**Phân tán, nhỏ lẻ**		
1	Than	01	Mỏ đang khai thác
2	Antimon	01	Mỏ đã cấp phép thăm dò và chưa cấp phép khai thác
B	**Vật liệu xây dựng thông thường**		
3	***Mỏ hiện trạng***		
3.1	Đất sét, sét gạch ngói	19	9 mỏ đã cấp phép khai thác (còn trữ lượng) và 10 mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng mà chưa cấp phép khai thác
3.2	Đá xây dựng thông thường	38	32 mỏ đã cấp phép khai thác (còn trữ lượng), 6 mỏ đã cấp phép thăm dò hoặc phê duyệt trữ lượng mà chưa cấp phép khai thác
3.3	Đá, đất hỗn hợp làm vật liệu san lấp	22	14 mỏ đã cấp phép khai thác (còn trữ lượng), 8 mỏ đã cấp phép thăm dò hoặc phê duyệt trữ lượng mà chưa cấp phép khai thác

STT	Loại khoáng sản	Số lượng	Ghi chú
4	***Quy hoạch mỏ mới***		
4.1	Đất sét, sét gạch ngói	-	Các khu vực quy hoạch mỏ mới sẽ xác định theo nhu cầu, kế hoạch khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh
4.2	Đá xây dựng thông thường	-	
4.3	Đá, đất hỗn hợp làm vật liệu san lấp	-	
C	**Vật liệu xây dựng**		
5	***Mỏ hiện trạng***		
5.1	Đá dolomit	02	2 mỏ đã cấp phép khai thác
5.2	Sét xi măng	06	6 mỏ đã cấp phép khai thác
5.3	Đá vôi xi măng	08	7 mỏ đã cấp phép khai thác, 1 mỏ đã cấp phép thăm dò mà chưa cấp phép khai thác
5.4	Đá vôi sản xuất vôi công nghiệp	-	
6	***Quy hoạch mỏ mới***		
6.1	Đá dolomit	-	Các khu vực quy hoạch mỏ mới đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt
6.2	Sét xi măng	-	
6.3	Đá vôi xi măng	-	
6.4	Đá vôi sản xuất vôi công nghiệp	-	
D	**Nước khoáng, nước nóng thiên nhiên**		
7.1	Nước khoáng	01	1 mỏ đã cấp phép khai thác
7.2	Quy hoạch mỏ mới	-	Các khu vực quy hoạch mỏ mới đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các mỏ khoáng sản (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của Tỉnh và các quy định hiện hành.

- Đối với các dự án khai thác khoáng sản đã được cấp giấy phép khai thác mà chưa phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh nhưng còn thời hạn khai thác thì được thực hiện đảm bảo không quá thời gian, trữ lượng ghi trong giấy phép; khuyến khích các chủ đầu tư dừng khai thác và thực hiện chuyển đổi mục tiêu đầu tư trước thời hạn theo giấy phép đã được cấp để thực hiện phát triển theo đúng định hướng Quy hoạch tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh khoanh vùng và xây dựng các cơ chế, chính sách để thực hiện theo đúng định hướng Quy hoạch nhất là các khu vực có các dự án hiện nay đang mâu thuẫn với định hướng phát triển của tỉnh.

- Đối với một số khu vực (mỏ) khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình phụ trợ cho khai thác mỏ như đường kết nối vào mỏ, khu nghiền sàng, chế biến khoáng sản... sẽ được xác định tại quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch xây dựng và trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ.

Phụ lục XXII

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
I	**GIAO THÔNG**	
1	Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 1)	Huyện Kim Sơn
2	Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2)	Huyện Kim Sơn
3	Xây dựng tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 1)	Huyện Nho Quan, TP Tam Điệp
4	Xây dựng tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2)	Huyện Yên Mô, huyện Kim Sơn
5	Xây dựng tuyến đường ĐT.482 kết nối quốc lộ 1A với quốc lộ 10 và kết nối quốc lộ 10 với quốc lộ 12B	Huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn
6	Xây dựng tuyến đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam) đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2)	Huyện Gia Viễn
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà và động Vân Trình (giai đoạn II)	Huyện Gia Viễn
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường T21 (đường Lê Duẩn), giai đoạn I	Thành phố Ninh Bình
9	Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 12B với Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Tu đến cầu Cọ, huyện Yên Mô	Huyện Yên Mô
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT481B (đoạn ngã ba Thông đến ngã tư Khánh Nhạc)	Huyện Yên Khánh
11	Xây dựng tuyến đường du lịch kết hợp phát triển đô thị từ thị trấn Thiên Tôn đến cố đô Hoa Lư	Huyện Hoa Lư
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Nho Quan - Tam Điệp (Quỳnh Lưu - QL38B - Yên Sơn) theo quy hoạch đường tỉnh ĐT.478C	Huyện Nho Quan, TP Tam Điệp
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT477C đoạn từ Km4+300 (cầu Thống Nhất) đến Km9+800 (đê hữu Hoàng Long), huyện Gia Viễn	Huyện Gia Viễn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
14	Nâng cấp, mở rộng cao tốc CT.01	Điểm đầu: Ninh Phúc - Ninh Bình; Điểm cuối: Quang Sơn - Tam Điệp
15	Xây dựng cao tốc CT.08	Điểm đầu: Giao CT Bắc Nam; Điểm cuối: Huyện Yên Khánh
16	Xây dựng và nâng cấp QL.45	Điểm đầu: Gia Vượng - Gia Viễn; Điểm cuối: Phú Long - Nho Quan
17	Xây dựng và nâng cấp QL.12B	Điểm đầu: Quang Thiện - Kim Sơn; Điểm cuối: Thành phố Tam Điệp
18	Xây dựng và nâng cấp QL.38B	Điểm đầu: Ninh Khang - Hoa Lư; Điểm cuối: Quỳnh Lưu - Nho Quan
19	Xây dựng và nâng cấp QL.37C	Điểm đầu: Gia Trấn - Gia Viễn; Điểm cuối: Xích Thổ - huyện Nho Quan
20	Xây dựng tuyến đường ĐT.476 đoạn qua thành phố Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
21	Nâng cấp đường ĐT.477 đoạn từ thị trấn Me đến huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn
22	Xây dựng đường tỉnh ĐT.477B	Huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn
23	Xây dựng đường tỉnh ĐT.477D	Huyện Gia Viễn
24	Xây dựng đường tỉnh ĐT.478B	Thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư
25	Xây dựng đường tỉnh ĐT.478C	Huyện Hoa Lư
26	Xây dựng đường tỉnh ĐT.479	Huyện Hoa Lư, huyện Nho Quan
27	Xây dựng và nâng cấp đường tỉnh ĐT.479D	Huyện Nho Quan
28	Xây dựng và nâng cấp đường tỉnh ĐT.480C	Huyện Yên Mô, huyện Yên Khánh
29	Xây dựng đường tỉnh ĐT.481	Huyện Yên Mô, huyện Yên Khánh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
30	Xây dựng tuyến đường ĐT.481B	Huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn
31	Xây dựng tuyến đường ĐT.481C	Huyện Yên Khánh
32	Xây dựng đường tỉnh ĐT.482B	Huyện Kim Sơn
33	Xây dựng đường tỉnh ĐT.482C	Thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn
34	Xây dựng đường tỉnh ĐT.482G	Huyện Yên Khánh
35	Xây dựng, nâng cấp đường tỉnh ĐT.483	Thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh
36	Xây dựng, nâng cấp đường tỉnh ĐT.483B	Huyện Yên Mô, huyện Yên Khánh
37	Xây dựng, nâng cấp đường tỉnh ĐT.483C	Điểm đầu: xã Lai Thành - Kim Sơn; Điểm cuối: Ninh Sơn - Ninh Bình
38	Đầu tư xây dựng cầu vượt sông Vân và đường dẫn phía Tây sông Vân, tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
39	Xây dựng cầu vượt sông Bôi phục vụ ứng cứu di dân và phát triển kinh tế vùng phân lũ chậm lũ Nho Quan - Gia Viễn	Huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn
40	Xây dựng đường sắt tốc độ cao	Tỉnh Ninh Bình
41	Xây dựng cảng khách Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
42	Xây dựng cảng khách Gia Sinh	Huyện Gia Viễn
43	Xây dựng cảng Phát Diệm	Huyện Kim Sơn
44	Xây dựng cảng Ninh Phúc 2 (gồm cảng Phúc Lộc)	Thành phố Ninh Bình
45	Xây dựng cảng KCN Gián Khẩu	Huyện Gia Viễn
46	Xây dựng mới cầu Tràng Km3+464, đường tỉnh ĐT.480C, tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh, huyện Yên Mô
47	Xây dựng tuyến đường tỉnh 483B (nối từ nút giao Khánh Hòa tới thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô giai đoạn I nối từ 482C tới Thị trấn Yên Thịnh	Huyện Yên Khánh, huyện Yên Mô
48	Các công trình, dự án khác theo quy hoạch giao thông, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
II	**CẤP NƯỚC**	
1	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp và các địa phương có liên quan
2	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Hoàng Long	Huyện Gia Viễn và các địa phương có liên quan
3	Xây dựng Nhà máy nước Nho Quan 2	Huyện Nho Quan và các địa phương có liên quan
4	Xây dựng Nhà máy nước Yên Đồng 1, 2	Huyện Yên Mô và các địa phương có liên quan
5	Xây dựng Nhà máy nước Xuân Chính	Huyện Kim Sơn
6	Xây dựng Nhà máy nước Bình Minh	Huyện Kim Sơn
7	Xây dựng Nhà máy nước Ninh Vân	Huyện Hoa Lư
8	Các dự án cải tạo, nâng công suất, đầu tư xây mới, đổi mới công nghệ các nhà máy cấp nước đô thị, nông thôn hiện có	Các huyện, thành phố
III	**THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**	
1	Cụm công trình thủy lợi Nam sông Vân	Thành phố Ninh Bình và huyện Yên Khánh
2	Đầu tư nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi 8 xã miền núi phía Đông Bắc huyện Nho Quan và kè chống sạt lở bờ sông Chanh	Huyện Nho Quan
3	Dự án xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4 giai đoạn 1,2 huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn
4	Đầu tư xây dựng kè Cồn Nổi	Huyện Kim Sơn
5	Nâng cấp tuyến đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp giao thông đoạn từ Bái Đính - Kim Sơn	Huyện Kim Sơn
6	Mở rộng, nâng cấp bờ vùng Bắc Rịa đảm bảo phòng chống lụt bão cho 3 xã hữu sông Hoàng Long, huyện Gia Viễn và một số xã huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan
7	Nạo vét cấp bách sông tiêu 5 xã phục vụ tưới tiêu liên huyện Yên Khánh - Kim Sơn, kết hợp nâng cấp bờ thành đường giao thông phòng chống thiên tai, huyện Yên Khánh	Huyện Yên Khánh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
8	Nâng cấp tuyến đê Năm Căn (đoạn từ cầu Nho Quan đến cầu Sui) kết hợp giao thông và phòng chống thiên tai, bảo vệ khu dân cư 5 xã và thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan
9	Nạo vét cấp bách sông Đầm Vân, đoạn từ đường Bái Đính - Kim Sơn (xã Khánh Hải) đến cống Đầm Vân (xã Khánh Vân) kết hợp nâng cấp bờ sông thành đường cứu hộ, cứu nạn phục vụ phòng chống thiên tai, huyện Yên Khánh	Huyện Yên Khánh
10	Nâng cấp đê Nam sông Rịa, đê sông Bến Đang đảm bảo ứng cứu, phòng, chống thiên tai, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội các xã phía Đông Nam huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan
11	Nâng cấp sông trục cống thôn Năm và các công trình trên tuyến huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh
12	Nâng cấp cải tạo hệ thống các trạm bơm khu Tả Vạc, tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh
13	Xây dựng hệ thống trạm bơm và hệ thống cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản từ BM1 đến BM3	Huyện Kim Sơn
14	Nâng cấp, cải tạo 04 tuyến gạt lũ Phong Thành, Kênh Giấy, Gia Tường, Lạc Vân	Huyện Nho Quan
15	Xử lý ô nhiễm, sửa chữa, nâng cấp hồ Yên Quang 1, 2, 3, 4	Huyện Nho Quan
16	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ Yên Đồng, Yên Thắng huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô
17	Xử lý đột xuất, sạt lở bờ sông kết hợp giao thông Kênh Gà xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn	Huyện Gia Viễn
18	Xử lý cấp bách sạt lở đê bao Hoàng Long và tuyến đường tránh lũ xã Đức Long, huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan
19	Nạo vét, tu bổ khẩn cấp tuyến kênh trục chính Tiên Hoàng tiêu cho huyện Yên Khánh và Kim Sơn	Huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn
20	Nâng cấp, mở rộng tuyến thoát lũ, kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Hoàng Long, trồng tre chắn sóng đoạn từ cầu Trường Yên đến cầu Gián	Huyện Gia Viễn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
21	Kè bờ bao sông Bôi sông Na (Đoạn từ ông Hiển đến sau nhà thờ Liên Phương, đoạn từ vườn tre lên Bến tập kết vật liệu, đoạn từ ông Hiển đến cầu Liên Phương, đoạn từ trạm nước sạch lên giáp Gia Sơn)	Huyện Nho Quan
22	Kè bờ bao sông Bôi, sông Na (Đoạn Âu bơm máy dầu, đoạn thôn Minh Hồng, đoạn bãi màu khu vực gốc sung thôn Minh Long, đoạn từ màu phía bắc trạm bơm thôn Lạc Long, đoạn bãi màu thôn Trung chính, đoạn bãi màu thôn Quyết Thắng)	Huyện Nho Quan
23	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước ngọt từ sông Vạc đến các xã, thị trấn tiểu khu III, IV, V và khu vực ngoài đê Bình Minh II	Huyện Kim Sơn
24	Mở rộng, nâng cấp bờ vùng Bắc Rịa đảm bảo phòng chống lụt bão cho 3 xã hữu sông Hoàng Long	Huyện Gia Viễn, Nho Quan
25	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Gia Tân và hoàn thành cơ sở hạ tầng về đích nông thôn mới	Huyện Gia Viễn
26	Nâng cấp hệ thống kênh tiêu Thành Hồ, xã Yên Thái	Huyện Yên Mô
27	Nâng cấp tuyến đê Cầu Đằng	Huyện Yên Mô
28	Kiên cố hóa bờ kênh gạt lũ và kết hợp nâng cấp bê tông hóa mặt đê phía Nam sông Bến Đang	TP Tam Điệp
29	Nâng cấp cống Sa Bồ kết hợp làm đường nội đồng	Huyện Yên Mô
30	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Đông và hệ thống kênh xã Gia Thanh	Huyện Gia Viễn
31	Nạo vét sông Đầm Vân đoạn từ đường Bái Đính đến cống Đầm Vân kết hợp nâng cấp bờ sông thành đường cứu hộ cứu nạn	Huyện Yên Khánh
32	Đầu tư xây dựng nâng cấp hồ điều tiết cống thượng lưu C10	Huyện Kim Sơn
33	Nâng cấp tuyến đê Năm Căn kết hợp giao thông và PCTT	Huyện Nho Quan

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê bao sông Hoàng Long Cụt	Huyện Gia Viễn
35	Kiên cố hóa kênh tưới, tiêu kết hợp đường cứu hộ cứu nạn từ đường 481C đến đê hữu Đáy	Huyện Yên Khánh
36	Đầu tư, nâng cấp trạm bơm Liễu Tường, xã Khánh Cường	Huyện Yên Khánh
37	Đầu tư xây dựng trạm bơm Quy Hậu	Huyện Kim Sơn
38	Đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đoạn cuối sông Cà Mâu	Huyện Kim Sơn
39	Đầu tư xây dựng hệ thống chủ động xả lũ tràn Đức Long	Huyện Nho Quan
40	Đầu tư xây dựng điểm dịch vụ du lịch Hoàng Long khu vực ngoài bãi sông Hoàng Long	Huyện Hoa Lư
41	Trạm bơm Âu Lê	Huyện Gia Viễn
42	Xây dựng hệ thống trạm bơm và hệ thống cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản từ BM 1 đến BM 3	Huyện Kim Sơn
43	Các dự án vốn vay ADB và WB	Tỉnh Ninh Bình
44	Nạo vét cửa Đáy và các khu vực có liên quan đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương (như: phòng chống lụt bão, tàu có trọng tải lớn ra vào, tận thu khoáng sản theo quy định nếu có…)	Huyện Kim Sơn
45	Các dự án đột xuất, khẩn cấp, cần thiết khác	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
IV	**NÔNG NGHIỆP**	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản ruộng trũng giai đoạn 2, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống hầu và thủy sản	Huyện Kim Sơn
3	Phục hồi và quản lý bền vững rừng ngập mặn vùng Đồng bằng Sông Hồng	Huyện Kim Sơn
4	Các dự án trồng rừng phòng hộ	Huyện Kim Sơn
5	Dự án quản lý rừng bền vững tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản ở vùng chiêm trũng huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2)	Huyện Gia Viễn
7	Các dự án xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn khác theo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
V	**CÔNG NGHIỆP**	
1	Khu mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu (35ha)	Huyện Gia Viễn
2	Khu công nghiệp Tam Điệp II	Thành phố Tam Điệp
3	Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Phú Long	Huyện Nho Quan
4	Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Gián Khẩu II	Huyện Gia Viễn
5	Khu công nghiệp Yên Bình	Huyện Yên Mô
6	Khu công nghiệp Kim Sơn	Huyện Kim Sơn
7	Cụm công nghiệp Trung Sơn	Thành phố Tam Điệp
8	Cụm công nghiệp Chất Bình	Huyện Kim Sơn
9	Cụm công nghiệp Khánh Lợi	Huyện Yên Khánh
10	Cụm công nghiệp Khánh Lợi II	Huyện Yên Khánh
11	Cụm công nghiệp Ninh Vân	Huyện Yên Mô, huyện Hoa Lư
12	Cụm công nghiệp Gia Phú - Liên Sơn	Huyện Gia Viễn
13	Cụm công nghiệp Yên Lâm	Huyện Yên Mô
14	Đầu tư xây dựng phát triển làng nghề gốm cổ truyền Bồ Bát	Huyện Yên Mô
VI	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ**	
1	Đầu tư xây dựng Trường Đại học Hoa Lư	Thành phố Ninh Bình
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục theo định hướng quy hoạch	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Đầu tư xây dựng, cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh)	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
VII	**Y TẾ, XÃ HỘI**	
1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các đơn vị y tế dự phòng, bệnh viện tuyến tỉnh; bệnh viện và trung tâm y tế tuyến huyện; các cơ sở y tế tư nhân	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
2	Đầu tư xây dựng trung tâm điều dưỡng, phục hồi chức năng, bảo trợ xã hội, cai nghiện, trung tâm điều dưỡng,...	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
VIII	**VĂN HÓA - THỂ DỤC THỂ THAO**	
1	Xây dựng quảng trường và tượng đài Đinh Tiên Hoàng Đế	Thành phố Ninh Bình
2	Bảo tồn, tôn tạo, khai quật khảo cổ và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa Khu di tích đặc biệt Cố đô Hoa Lư	Huyện Hoa Lư
3	Đầu tư xây dựng tổ hợp Bảo tàng - Thư viện tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
4	Xây dựng CSHT khu du lịch sinh thái Tràng An và các dự án thành phần	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, Thành phố Ninh Bình
5	Khu trung tâm thể dục thể thao tỉnh	Thành phố Ninh Bình
6	Nhà hát	Thành phố Ninh Bình
7	Các dự án ưu tiên thực hiện thuộc nội dung của Quy hoạch bảo quản tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan và Thành phố Ninh Bình
8	Các dự án khu, điểm sinh hoạt văn hóa và thể thao theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
IX	**DU LỊCH**	
1	Khu du lịch Vườn Quốc gia Cúc Phương	Huyện Nho Quan
2	Khu du lịch quốc gia Kênh Gà - Vân Trình	Huyện Gia Viễn
3	Khu trung tâm liên hợp du lịch và thể thao sân golf 54 lỗ hồ Yên Thắng	Huyện Yên Mô, thành phố Tam Điệp
4	Khu vực Cồn Nổi, Kim Sơn	Huyện Kim sơn
5	Khu vực du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Yên Đồng, Yên Thắng	Huyện Yên Mô
6	Xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Resort	Huyện Hoa Lư
7	Xây dựng tổ hợp dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí	Huyện Hoa Lư

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
8	Các dự án bảo tồn tôn tạo, phát huy giá trị Khu di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, thành phố Ninh Bình
9	Các dự án ưu tiên thực hiện theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Tràng An - Tam Cốc - Bích Động đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các huyện: Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, thành phố Ninh Bình và thành phố Tam Điệp
10	Các dự án phát triển các tuyến, điểm, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình
X	**THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ**	
1	Trung tâm hội chợ triển lãm và các dự án đầu tư	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
2	Xây mới và phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tương ứng với hệ thống đô thị	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Xây dựng trung tâm Logistics Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
4	Xây dựng trung tâm Logistics Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp
5	Xây dựng trung tâm Logistics Kim Sơn	Huyện Kim Sơn
6	Các dự án đầu tư thương mại dịch vụ khác theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
XI	**ĐÔ THỊ**	
1	Xây dựng trung tâm hành chính tập trung tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
2	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ - Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn
3	Cải thiện cơ sở hạ tầng để công nhận, nâng loại các đô thị và các dự án cơ sở hạ tầng theo quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
4	Các dự án phát triển nhà ở, dự án phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
5	Các dự án cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị Ninh Bình phục vụ xây dựng đô thị di sản thiên niên kỷ	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

Ghi chú:

- Số lượng, tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên và các dự án khác đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo định hướng quy hoạch sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, kỹ thuật chuyên ngành và lập dự án đầu tư.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và các quy hoạch do địa phương quyết định, phê duyệt hoặc các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt có thể bổ sung cho phù hợp với nhu cầu ưu tiên thực hiện dự án của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cam kết không hợp pháp hóa các dự án sai phạm. Đối với các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, bản án (nếu có) thì chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

Phụ lục XXIII

DANH MỤC SƠ ĐỒ QUY HOẠCH

TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	TÊN BẢN ĐỒ	TỶ LỆ
1	**Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn**	**1/50.000**
2	**Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng**	**1/50.000**
3	**Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội**	**1/50.000**
4	**Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật**	
4.1	Sơ đồ phương án phát triển mạng lưới giao thông	1/50.000
4.2	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1/50.000
5	**Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất**	**1/50.000**
6	**Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên**	**1/50.000**
7	**Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu**	
7.1	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	1/50.000
7.2	Sơ đồ phương án phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1/50.000
8	**Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện**	
8.1	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện	1/100.000
8.2	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện	1/100.000